

Bản án số: **121/2023/HNGĐ-PT**
Ngày: 24 - 8 - 2023
V/v “*Tranh chấp về con nuôi*”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HÀ NỘI

Với thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Nguyễn Hồng Lam**

Các Thẩm phán: Bà **Mai Vân Anh**

Ông **Nguyễn Tiến Thành**

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Ông **Phạm Thái An** - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Hà Nội tham gia phiên tòa: Bà **Nguyễn Mai Thanh** - Kiểm sát viên.

Trong ngày 24/8/2023 tại Trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội xét xử phúc thẩm công khai vụ án Hôn nhân và Gia đình thụ lý số 80/2023/TLPT- HNGĐ ngày 05 tháng 6 năm 2023 về “*Tranh chấp về việc xác nhận con nuôi*”.

Do Bản án sơ thẩm số **17/2023/HNGĐ-ST** ngày 26 tháng 4 năm 2023 của Tòa án nhân dân thị xã Sơn Tây bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 48/QĐXX-PT ngày 10 tháng 7 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 158/2023/QĐPT-HPT ngày 17/7/2023, giữa:

- **Nguyên đơn:** 1. Bà **Nguyễn Thị S**, sinh năm 1955, *có mặt*;

Địa chỉ: Tổ dân phố xxV, phường T, thị xã S, TP Hà Nội;

2. Bà **Nguyễn Thị L**, sinh năm 1953, *có mặt*;

Địa chỉ: Thôn XS, xã T, huyện P, thành phố Hà Nội;

- **Bị đơn:** Ông **Nguyễn Công C**(Tít), sinh năm 1963

Người đại diện theo pháp luật của ông Nguyễn Công C: Bà **Nguyễn Thị V**, sinh năm 1963, (*Là vợ ông C*), *có mặt*;

Cùng ĐKKHKT: Tổ dân phố 08, Vân Gia, phường T, thị xã S, TP Hà Nội;

- **Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:**

1. Bà **Nguyễn Thị X**, sinh năm 1942, *có mặt*;

2. Bà **Nguyễn Thị T**, sinh năm 1945, *vắng mặt*;

3. Bà **Nguyễn Thị S**, sinh năm 1957, *có mặt*;

4. Bà **Nguyễn Thị V**, sinh năm 1963(*Là vợ ông C*), *có mặt*;

Cùng địa chỉ: Tổ dân phố xxV, phường T, thị xã S, TP Hà Nội;

Bà Thanh, bà X, bà Xuất ủy quyền cho bà Nguyễn Thị S và bà Nguyễn Thị L.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn là bà Nguyễn Thị S, bà Nguyễn Thị L thống nhất trình bày:

Bố mẹ ông bà là cụ Nguyễn Văn V (sinh năm 1909, đã chết năm 2008) và cụ Nguyễn Thị D (sinh năm 1915, đã chết năm 2011) vợ chồng Cụ V, Dưỡng sinh được 06 người con là:

- 1/ Bà Nguyễn Thị X, sinh năm 1942;
- 2/ Bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1945;
- 3/ Bà Nguyễn Thị L, sinh năm 1953;
- 4/ Ông Nguyễn Văn V, sinh năm 1948,(Liệt sỹ hy sinh năm 1968);
- 5/ Bà Nguyễn Thị S, sinh năm 1955;
- 6/ Bà Nguyễn Thị X, sinh năm 1957;

Ông Nguyễn Công C, sinh năm 1963 (tên thường gọi là Nguyễn Văn Tít) sinh ra tại thôn T, xã C, huyện P, Hà Nội. Ông C là con của cụ Nguyễn Công T (Đã chết năm 2003) và cụ Nguyễn Thị M (Đã chết năm 1968). Cụ Nguyễn Công T là em trai cùng mẹ khác cha với cụ Nguyễn Thị D. Do hoàn cảnh gia đình cụ T và cụ M khó khăn nên khi ông C được khoảng 5 đến 6 tuổi Cụ V và cụ D có đón ông Nguyễn Công C về nuôi dưỡng. Tại thời điểm đón ông C về nuôi bố mẹ ông bà không làm thủ tục nhận nuôi con nuôi với Ủy ban nhân dân xã Trung Hưng, sau này là phường T, thị xã S, Hà Nội.

Cụ V và cụ D chăm sóc và nuôi dưỡng ông C từ đó đến năm 1984 ông C lấy vợ ở riêng. Đến năm 1989, Cụ V và cụ D đã xin UBND xã Trung Hưng cấp đất cho vợ chồng ông C rồi làm nhà cho ông C ở riêng, không ở cùng với các cụ.

Khi các cụ còn sống tất cả 05 chị em gái các bà tập trung phụng dưỡng, chăm sóc bố mẹ, trong đó người trực tiếp nhất là bà S và bà X ở gần cho đến khi bố mẹ các bà qua đời. Khi các cụ qua đời chị em các bà đóng góp tổ chức tang lễ cho các cụ với vai trò là con, ông C không đóng góp tham gia gì.

Sau khi các cụ chết việc thờ cúng do chị em các bà thực hiện. Trước khi bố mẹ các bà chết cũng không để lại di chúc hay căn dặn gì đến ông C. Khi các bà làm thủ tục khai nhận di sản thừa kế của bố mẹ để lại tại UBND phường T, thị xã S thì ông C ngăn cản vì ông cho rằng ông là con nuôi. UBND phường Trung Hưng đã giải quyết đơn khiếu nại của ông C và kết quả UBND phường xác nhận ông C không phải là con nuôi của Cụ V và cụ D. Ông C không đồng ý tiếp tục có đơn khiếu nại và gây khó khăn cho việc các bà kê khai chia di sản thừa kế của bố mẹ để lại. Nay các bà khởi kiện yêu cầu Tòa án xác định ông Nguyễn Công C không phải con nuôi của Cụ V và cụ D.

Tại các bản trình bày trong quá trình giải quyết vụ án và đơn phản tố bị đơn ông Nguyễn Công C và người đại diện theo pháp luật là bà Nguyễn Thị V thống nhất trình bày:

Ông Nguyễn Công C khẳng định ông là con nuôi của cụ Nguyễn Văn V và cụ Nguyễn Thị D. Về năm sinh, năm mất của Cụ V và cụ D đúng như các nguyên đơn

và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đã trình bày.

Ông là con đẻ của cụ Nguyễn Công T (đã chết năm 2003) và cụ Nguyễn Thị M (đã chết năm 1968). Cụ Nguyễn Công T là em trai cùng mẹ khác cha với cụ Nguyễn Thị D.

Năm 1968, ông Nguyễn Văn V hy sinh. Cùng năm do cụ M bị sản hậu sắp mất, cụ T bị thương tật mất một chân, gia đình khó khăn nên cụ D và Cụ V về nói chuyện với cụ T, cụ M để đưa ông C về nhà Cụ V, cụ D nuôi dưỡng làm con, để về già phụng dưỡng các cụ. Cụ V và cụ D đã chuyển khẩu của ông C về gia đình cụ Nguyễn Văn V và cụ Nguyễn Thị D ở phường T, thị xã S. Ông C về ở với Cụ V, cụ D từ năm 1968 đến năm 1969 thì các Cụ V và cụ D xin cho đi học ở địa phương. Cụ V và cụ D nuôi ông C ăn học đến khi học hết lớp 7 thì nghỉ học lao động cùng các cụ, ông là lao động chính trong nhà. Đến năm 1984, thì Cụ V và cụ D lo cưới vợ cho ông C (ông C kết hôn với bà Nguyễn Thị V). Sau khi kết hôn vợ chồng ông ở cùng Cụ V, cụ D. Đến năm 1989 thì vợ chồng ông ra ở riêng ở mảnh đất khác do UBND xã Trung Hưng cấp cho tới nay.

Khi Cụ V, cụ D già yếu vợ chồng ông vẫn thường xuyên đi lại chăm sóc các cụ. Đến khi Cụ V, cụ D mất vợ chồng ông có đóng góp lo tang lễ cho các cụ nhưng các con của cụ V, cụ D không nhận. Sau khi các cụ chết ông bà có đến nhà các cụ để thực hiện việc thờ cúng nhưng bị ngăn cản.

Việc thỏa thuận nuôi dưỡng ông C giữa các Cụ V, cụ D với cụ T, cụ M không có văn bản gì và lúc đó ông còn nhỏ nên không biết, nhưng có được UBND xã Thượng Cốc, huyện Phúc Thọ và UBND phường T, thị xã S xác nhận.

Ông C khẳng định: Ông có tên thường gọi là Nguyễn Văn Tít, đây là tên hồi nhỏ của ông (Do bố mẹ đẻ đặt cho). Trong hộ khẩu của các cụ có tên ông Nguyễn Văn Tít chính là ông Nguyễn Công C. Việc các sổ hộ khẩu ghi ông có quan hệ với chủ hộ Cụ V, cụ D là “Cháu” là không đúng. Trong suốt thời gian từ năm 1968 đến nay Cụ V, cụ D và ông C không làm thủ tục nhận làm con nuôi theo quy định của Nhà nước, vì không hiểu quy định của pháp luật.

Nay các bà nguyên đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án xác định ông Nguyễn Công C không phải con nuôi của Cụ V, cụ D, ông không đồng ý, ông C khẳng định ông là con nuôi của Cụ V, cụ D.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành hòa giải nhiều lần nhưng không đạt kết quả.

Tại Bản án sơ thẩm số 17/2023/HNGĐ-ST ngày 26 tháng 4 năm 2023 của Toà án nhân dân thị xã Sơn Tây đã quyết định:

Áp dụng Điều 24 Luật Hôn nhân và gia đình năm 1959; Điều 37 Luật Hôn nhân và gia đình năm 1987; Điều 71 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000, Điều 9; Điều 50 Luật Nuôi con nuôi năm 2000; Các Điều 25; 26; 27; Điều 28 Nghị Định số 158/2005/NĐ-CP, ngày 27/12/2005; Khoản 1 Điều 2 Nghị định số 19/2011/NĐ-CP, ngày 21/3/2011;

Áp dụng các Điều 147; 227; 228; 271; 273 Bộ luật tố tụng dân sự 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Xử:

1. Ông Nguyễn Công C không phải là con nuôi của cụ Nguyễn Văn V và cụ Đỗ Thị D.

2. Về án phí: Miễn án phí dân sự sơ thẩm cho ông Nguyễn Công C.

Ngoài ra Bản án còn tuyên về quyền kháng cáo cho các bên đương sự.

Sau khi xét xử, ngày 04/5/2023, Tòa án nhận được Đơn kháng cáo của ông Nguyễn Công C và bà Nguyễn Thị V với nội dung đề nghị Hội đồng xét xử cấp phúc thẩm sửa Bản án sơ thẩm theo hướng: Bác yêu cầu khởi kiện của các nguyên đơn và xác định ông Nguyễn Công C là con nuôi thực tế của cụ Nguyễn Văn V và cụ Đỗ Thị D.

Tại phiên tòa phúc thẩm: Ông Nguyễn Công C và bà Nguyễn Thị V giữ nguyên nội dung đã kháng cáo. Bà Nguyễn Thị S, bà Nguyễn Thị L đề nghị giữ nguyên Bản án sơ thẩm.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hà Nội có quan điểm:

Hội đồng xét xử chấp hành đầy đủ và đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự về thụ lý, thời hạn xét xử và tố tụng tại phiên tòa, các đương sự được thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ của mình.

Kháng cáo của ông Nguyễn Công C và bà Nguyễn Thị V là hợp lệ cần chấp nhận để xem xét.

Về thẩm quyền giải quyết sơ thẩm vụ án này, Tòa án nhân dân thị xã Sơn Tây thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền.

Về nội dung: Căn cứ khoản 1 Điều 308 và khoản 1 Điều 148 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 xử bác kháng cáo của ông Nguyễn Công C và bà Nguyễn Thị V và giữ nguyên Quyết định của bản án sơ thẩm.

Các đương sự phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về Tố tụng:

Về thẩm quyền thụ lý và giải quyết: Bà Nguyễn Thị S và bà Nguyễn Thị L nộp đơn khởi kiện yêu cầu không công nhận ông Nguyễn Công C là con nuôi của cụ Nguyễn Văn V và cụ Đỗ Thị D tại Tòa án nhân dân thị xã Sơn Tây, thành phố Hà Nội. Bị đơn là ông Nguyễn Công C có nơi sinh sống tại Tổ dân phố xx V, phường T, thị xã S, thành phố Hà Nội. Do vậy, Tòa án nhân dân thị xã Sơn Tây, thành phố Hà Nội thụ lý sơ thẩm và giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền phù hợp với Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự 2015.

Về việc Tòa án cấp sơ thẩm không thụ lý yêu cầu phản tố của ông Nguyễn Công C với lý do nội dung đơn phản tố của ông C chính là đơn trình bày, bản tự khai và ý kiến của ông C trong hồ sơ vụ án về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và đã được giải quyết đồng thời trong vụ án này. Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận định cấp sơ thẩm đã xử lý đúng quy định pháp luật.

[2]. Về nội dung yêu cầu Tòa án giải quyết, Hội đồng xét xử nhận thấy:

Về quan hệ pháp luật nuôi con nuôi: Ông Nguyễn Công C là con đẻ của cụ Nguyễn Công T (đã chết năm 2003) và cụ Nguyễn Thị M (đã chết năm 1968). Cụ Nguyễn Công T là em trai cùng mẹ khác cha với cụ Đỗ Thị D (là vợ cụ Nguyễn Văn V).

Vợ chồng cụ T, cụ M đẻ ra ông C và nuôi ông C đến khoảng 5-6 tuổi (theo ông C là khoảng năm 1968), do gia đình cụ T, cụ M khó khăn nên Cụ V, cụ D có đến đón ông C về nuôi dưỡng và nhập vào hộ khẩu gia đình. Năm 1984, vợ chồng Cụ V, cụ D tổ chức cưới vợ cho ông C. Năm 1986, ông C tách khỏi hộ khẩu của gia đình Cụ V, cụ D. Năm 1989, ông C được UBND phường Trung Hưng cấp đất ra ở riêng. Ông C xác định là con nuôi của Cụ V, cụ D; còn các bà Nguyễn Thị S, Nguyễn Thị L, Nguyễn Thị T, Nguyễn Thị X, Nguyễn Thị S là con gái của Cụ V, cụ D đều không công nhận và yêu cầu Tòa án xác định ông C không là con nuôi của Cụ V, cụ D.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã có văn bản yêu cầu ông Nguyễn Công C cung cấp tài liệu, chứng cứ chứng minh cho quan điểm của mình nhưng ông C không có tài liệu, chứng cứ nào chứng minh việc vợ chồng Cụ V, cụ D đã làm thủ tục kê khai, đăng ký việc nhận con nuôi đối với ông C tại UBND phường Trung Hưng là nơi vợ chồng Cụ V, cụ D và ông C thường trú theo qui định của pháp luật. UBND phường T, thị xã S là cấp có thẩm quyền trong việc kê khai làm thủ tục về việc nhận con nuôi cho tới nay cũng không có tài liệu, hồ sơ, chứng cứ thể hiện việc Cụ V, cụ D đăng ký nhận ông C làm con nuôi với chính quyền địa phương. Hội đồng xét xử xét thấy: Pháp luật về việc nuôi con nuôi của Nhà nước quy định chi tiết về việc nhận con nuôi phải được đăng ký với chính quyền địa phương (Cấp xã, phường) nơi thường trú của người nhận nuôi con nuôi (*Theo qui định tại các điều từ Điều 25 đến Điều 28 Nghị Định số 158/2005/NĐ-CP, ngày 27/12/2005 của Chính phủ; và qui định tại khoản 1 Điều 2 Nghị định số 19/2011/NĐ-CP, ngày 21/3/2011 của Chính phủ; và Điều 9; Điều 50 Luật Nuôi con nuôi; Khoản 1 Điều 78 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2015; Điều 24 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 1959, Điều 37 Luật Hôn nhân và gia đình năm 1987, Điều 71 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2000*).

Về các tài liệu, chứng cứ do Tòa án thu thập được từ Công an thị xã Sơn Tây, từ UBND phường Trung Hưng (Là nơi vợ chồng Cụ V, cụ D và ông C thường trú cho đến nay) thể hiện: Hồ sơ quản lý Hộ tịch tại địa phương đều thể hiện Cụ V, cụ D (Là chủ hộ) khai quan hệ với ông C là cháu (BL: 44; 45; 46; 47; 61; 62) chứ không phải là quan hệ con nuôi.

Trong suốt thời gian vợ chồng Cụ V, cụ D nuôi dưỡng ông C cho đến khi các cụ chết đều không kê khai, làm thủ tục khai nhận, đăng ký ông C làm con nuôi với chính quyền địa phương mà chỉ làm các thủ tục về hộ tịch, kê khai hộ khẩu với chính quyền địa phương việc ông C có quan hệ với Cụ V, cụ D là cháu. Vấn đề này phản ánh việc vợ chồng Cụ V, cụ D có công sức nuôi dưỡng ông C với tính chất quan hệ là cháu chứ không phải quan hệ nhận ông C làm con nuôi. Bởi vậy, Hội đồng xét xử cấp sơ thẩm xác định việc các nguyên đơn yêu cầu Tòa án xác định ông Nguyễn Công C không phải con nuôi của cụ Nguyễn Văn V, cụ Đỗ Thị D và quyết định như nội dung bản án sơ thẩm đã tuyên là có căn cứ pháp luật. Mặt khác, khi nộp đơn kháng cáo và trong quá trình giải quyết tại cấp phúc thẩm, ông C và bà V không cung cấp bổ sung thêm các tài liệu chứng cứ để chứng minh ông C là con nuôi hợp pháp của cụ V, cụ D.

Tại phiên tòa phúc thẩm, bà V trình bày ông C không có tên là Tít trong sổ hộ khẩu và đề nghị xác định quan hệ con nuôi thực tế, tuy nhiên tài liệu trong hồ sơ thể hiện sổ hộ khẩu do công an địa phương cung cấp ông C có tên thường gọi ở nhà là Tít, trùng với số căn cước công dân nên tên Chí và Tít là cùng một người. Nay bà V xác định ông C không phải là Tít điều đó chứng tỏ bà đang thừa nhận ông C không có quan hệ con nuôi với Cụ V hay cụ D. Vì vậy, Bản án sơ thẩm tuyên chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ.

Từ nhận định nói trên, Hội đồng xét xử xét thấy yêu cầu kháng cáo của ông Nguyễn Công C và bà Nguyễn Thị V là không có căn cứ để chấp nhận nên căn cứ khoản 1 Điều 308 và Điều 313 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 để bác kháng cáo của ông Nguyễn Công C và bà Nguyễn Thị V.

[3]. Về án phí: Kháng cáo không được chấp nhận đáng lẽ ông C và bà V phải chịu án phí phúc thẩm theo quy định khoản 1 Điều 148 Bộ luật tố tụng dân sự, tuy nhiên do ông C, bà V là người cao tuổi nên được miễn án phí phúc thẩm theo quy định của Luật Người Cao tuổi và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng, án phí và lệ phí Tòa án; Điểm 1.1 mục II Danh mục án phí, lệ phí Tòa án ban hành kèm Nghị Quyết,

Nhận định của Hội đồng xét xử phù hợp với quan điểm đề nghị của Vụ đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hà Nội.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 148; Điều 313; khoản 1 Điều 308; Điều 309 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 24 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 1959; Điều 37 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 1987; Điều 71 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2000, Điều 9; Điều 50 Luật Nuôi con nuôi năm 2000; Các Điều 25; 26; 27; Điều 28 Nghị Định số 158/2005/NĐ-CP, ngày 27/12/2005; Khoản 1 Điều 2 Nghị định số 19/2011/NĐ-CP, ngày 21/3/2011;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mẫu thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng, án phí và lệ phí Tòa án; Điều 1.1 mục II Danh mục án phí, lệ phí Tòa án ban hành kèm Nghị Quyết.

Xử:

I. Không chấp nhận kháng cáo của ông Nguyễn Công C và bà Nguyễn Thị V. Giữ nguyên Bản án sơ thẩm số 17/2023/HNGĐ-ST ngày 26/4/2023 của Tòa án nhân dân thị xã Sơn Tây, cụ thể như sau:

1. Ông Nguyễn Công C không phải là con nuôi của cụ Nguyễn Văn V và cụ Đỗ Thị D.

2. Về án phí: Miễn án phí dân sự sơ thẩm cho ông Nguyễn Công C.

3. Quyền kháng cáo: Các đương sự có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, Viện Kiểm sát nhân dân thị xã Sơn Tây được quyền kháng nghị Bản án theo quy định của pháp luật.

4. Trường hợp Bản án, Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2, luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

II. Về án phí phúc thẩm: Ông Nguyễn Công C và bà Nguyễn Thị V được miễn nộp án phí phúc thẩm.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực thi hành.

Nơi nhận:

- Viện KSND TP Hà Nội;
- Chi cục THANDS thị xã Sơn Tây;
- Tòa án nhân dân thị xã Sơn Tây;
- Người tham gia tố tụng;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Hồng Lam

